

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 571/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông NTT, sinh năm: 1979; địa chỉ thường trú: x Lô x chung cư xxx, Phường x, Quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà DMY, sinh năm: 1982; địa chỉ thường trú: x Lô x chung cư xxx, Phường x, Quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông NTT và bà DMY yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận của ông bà về việc thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: bà DMY và ông NTT thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết số 85, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân cấp, đăng ký ngày 21/3/2011 không còn giá trị.

b. Về con chung: Về con chung: có 02 con chung là NMQ, nam, sinh ngày 16/4/2010 và trẻ NXM, nữ, sinh ngày 01/01/2016. Giao trẻ Q và trẻ M cho bà Y là mẹ ruột chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về lệ phí: bà DMY và ông NTT chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà DMY và ông NTT đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020455 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- UBND phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (Để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 85, quyền số 01/2011 do UBND phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân cấp);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Vũ Vân